

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH THANH HÓA**  
Số: 116/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*T, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Bùi Văn Q – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị M – Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/09/2018. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm, cách sống của vợ, chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của vợ, chồng ngày càng trầm trọng, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Nay anh Q và chị M đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 31/7/2018, ly hôn anh Q và chị M thống nhất, thỏa thuận anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L, chị M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M thống nhất, thỏa thuận anh Q sẽ phải chịu toàn bộ lệ phí về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 31/7/2018. Ly hôn giao cháu L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn Q phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: AA/2021/0007847 ngày 31/10/2022. Anh Q được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị M phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã TL;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Quân**